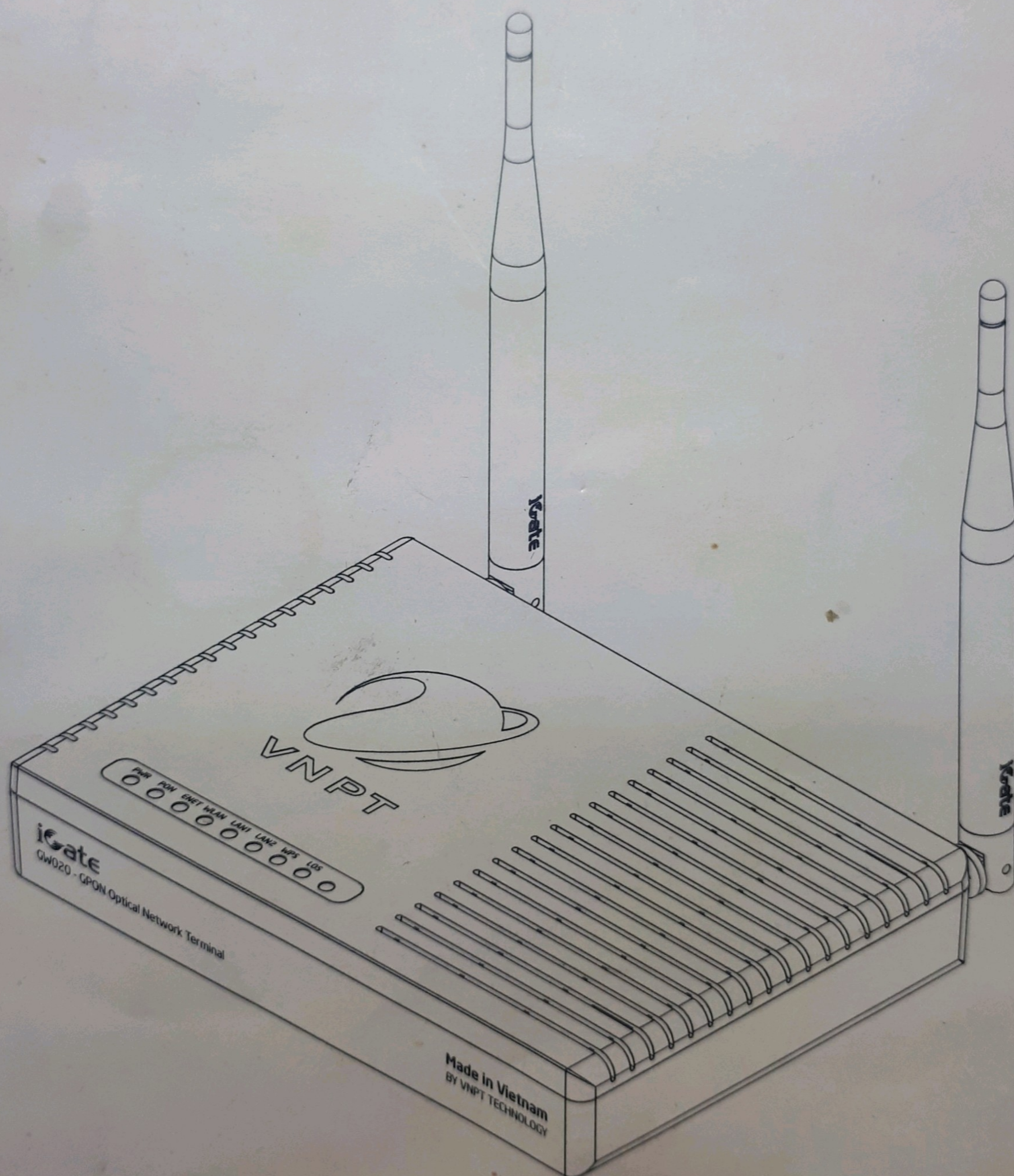
iGate GW020

GPON Optical Network Terminal



Hướng dẫn sử dụng nhanh

Mục lục

1. Các thành phần đóng gói 01

2. Mô tả thiết bị 01

3. Kết nối thiết bị 04

4. Truy cập vào giao diện Web cấu hình thiết bị 06

5. Cấu hình WiFi cơ bản 08

6. Thay đổi mật khẩu truy cập trang cấu hình 10

7. Lưu trữ và khôi phục cài đặt thiết bị 11

8. Các tính năng nâng cao hữu ích thường dùng 13

9. Hướng dẫn bảo quản 13

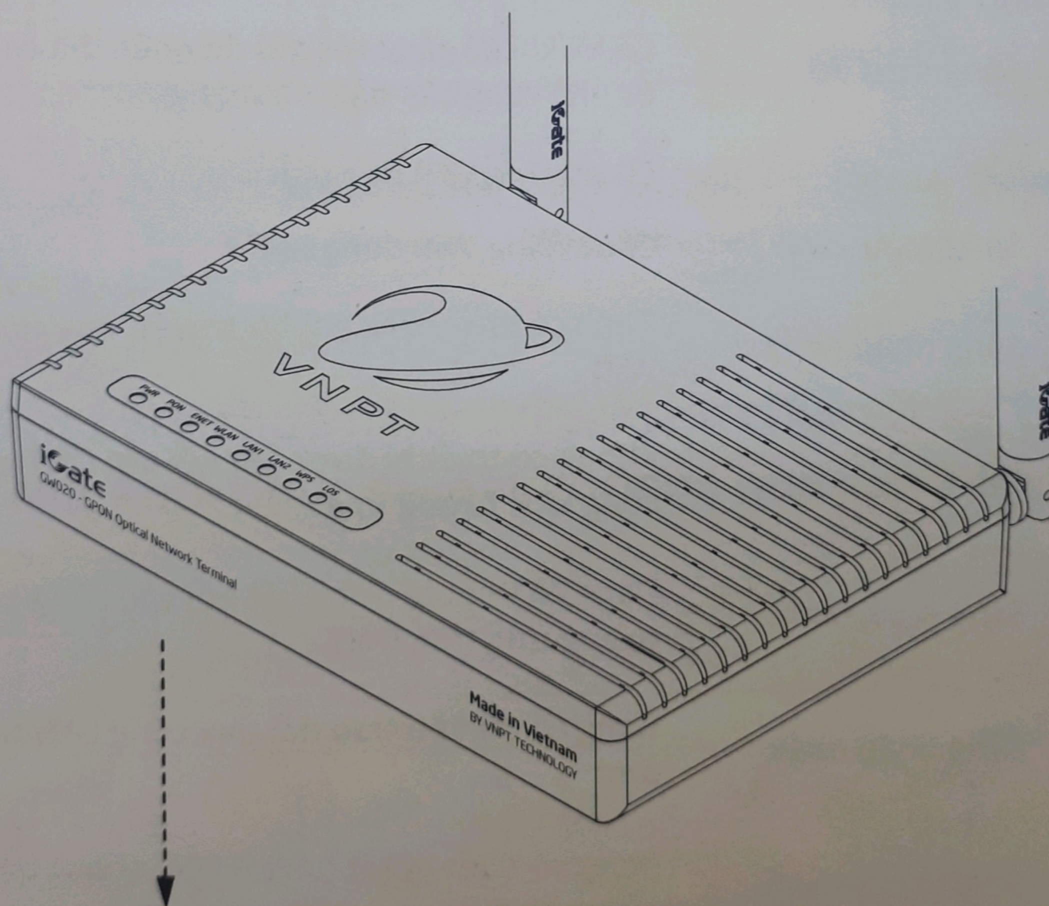
1. Các thành phần đóng gói

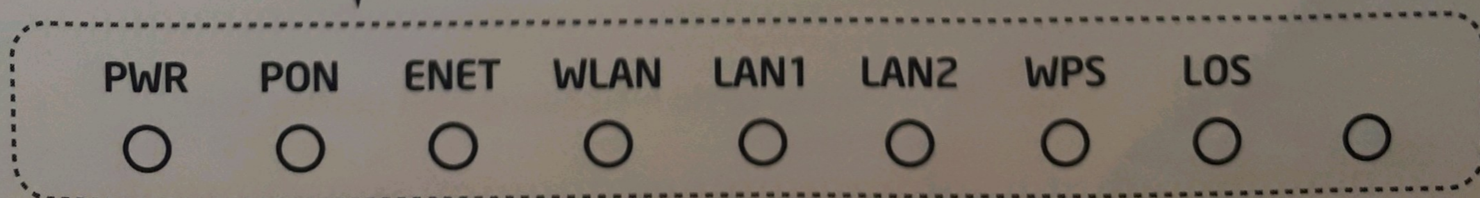
- iGate GW020 - Wireless N 300Mbps Router GPON ONT
- Bộ nguồn 12V⎓1.5A
- Cáp kết nối Ethernet (RJ-45)
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng nhanh

2. Mô tả thiết bị

Mặt trước của thiết bị

Mặt trước của ONT bao gồm thông tin tên và mã hiệu thiết bị, thông tin nhà sản xuất và các đèn LED chỉ thị hoạt động của ONT.





Ý nghĩa đèn LED báo hiệu

Tên	Trạng thái	Báo hiệu
PWR	Tắt	Không có nguồn cấp cho ONT
	Sáng màu xanh	ONT được cấp nguồn bình thường
PON	Tắt	Không có tín hiệu quang cấp cho ONT
	Nhấp nháy xanh	ONT đang đồng bộ và kích hoạt giao tiếp với OLT
	Sáng màu xanh	ONT kết nối thành công đến OLT của nhà cung cấp dịch vụ
ENET	Sáng màu xanh	Đã kết nối địa chỉ IP của nhà cung cấp dịch vụ mạng nhưng không có lưu lượng truyền qua
	Nhấp nháy xanh	Đã nhận địa chỉ IP và đang có lưu lượng gói tin trao đổi với nhà cung cấp dịch vụ
	Sáng màu đỏ	Có lỗi khi cố gắng kết nối để nhận địa chỉ IP từ nhà cung cấp dịch vụ mạng
WLAN	Tắt	Chức năng Wifi đang tắt
	Sáng màu xanh	Chức năng Wifi đang bật
	Sáng nhấp nháy	Đang có lưu lượng gói tin truyền qua giao tiếp Wifi
LAN 1 - LAN 2	Tắt	Không có thiết bị được kết nối với ONT qua cổng LAN tương ứng
	Sáng màu xanh	Đang có thiết bị được kết nối vào cổng LAN tương ứng trên ONT
	Sáng nhấp nháy	Đang có dữ liệu trao đổi qua cổng LAN tương ứng
WPS	Nhấp nháy xanh	Đang có thiết bị kết nối tới ONT thông qua bảo mật WPS
LOS	Tắt	Đang có tín hiệu quang bình thường đến ONT
	Nhấp nháy đỏ	Không có tín hiệu quang hoặc chất lượng tín hiệu quá kém

Mặt sau thiết bị

Nguồn:

Cổng cắm dây nguồn cho ONT

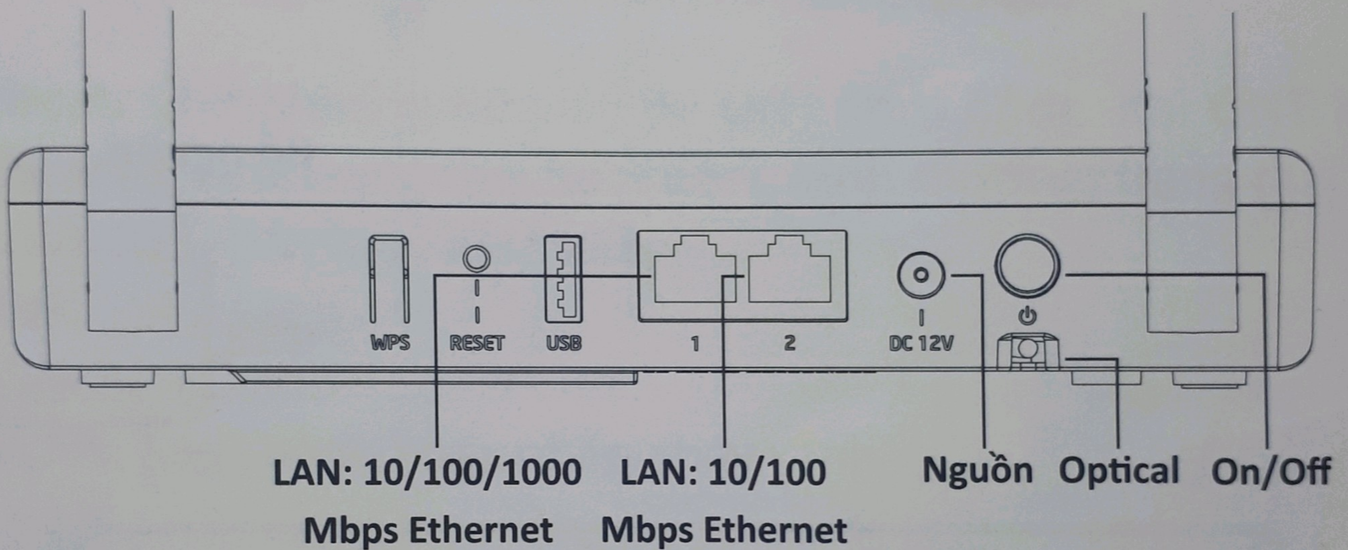
1 (LAN: 10/100/1000 Mbps Ethernet)

2 (LAN: 10/100 Mbps Ethernet)

Cổng kết nối Ethernet với các thiết bị trong mạng LAN

Optical:

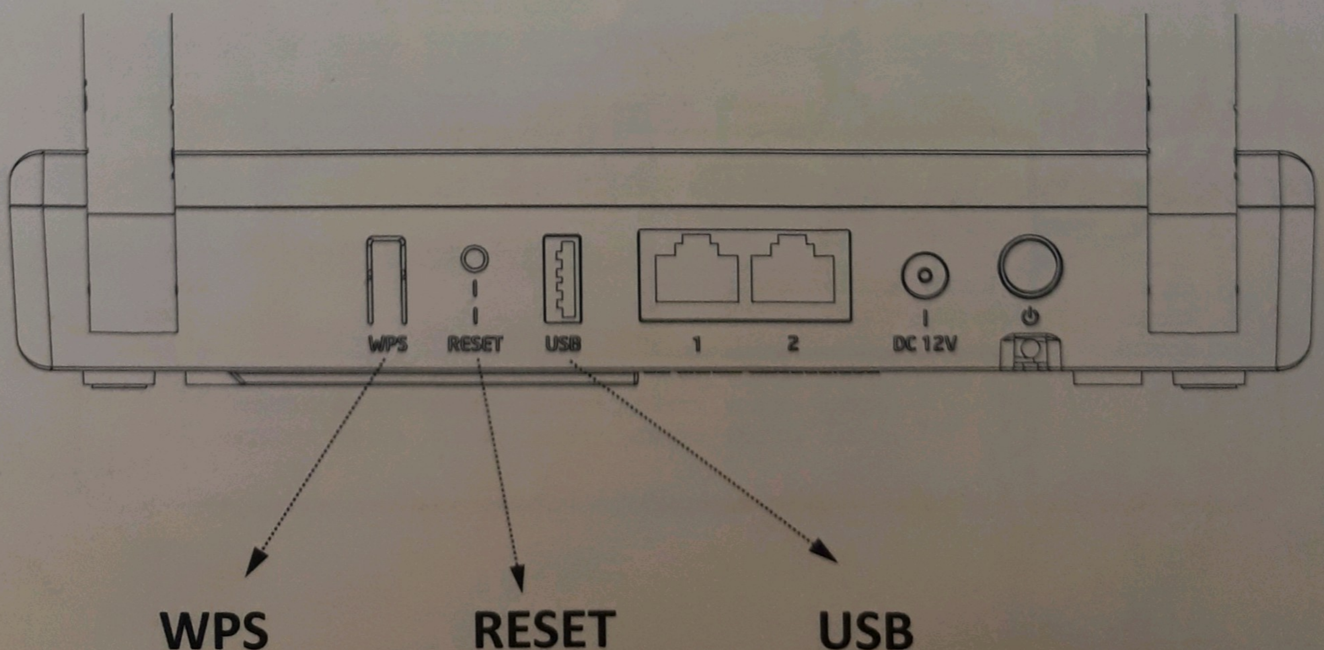
Cổng quang giao tiếp SC/ APC kết nối mạng GPON của nhà cung cấp.



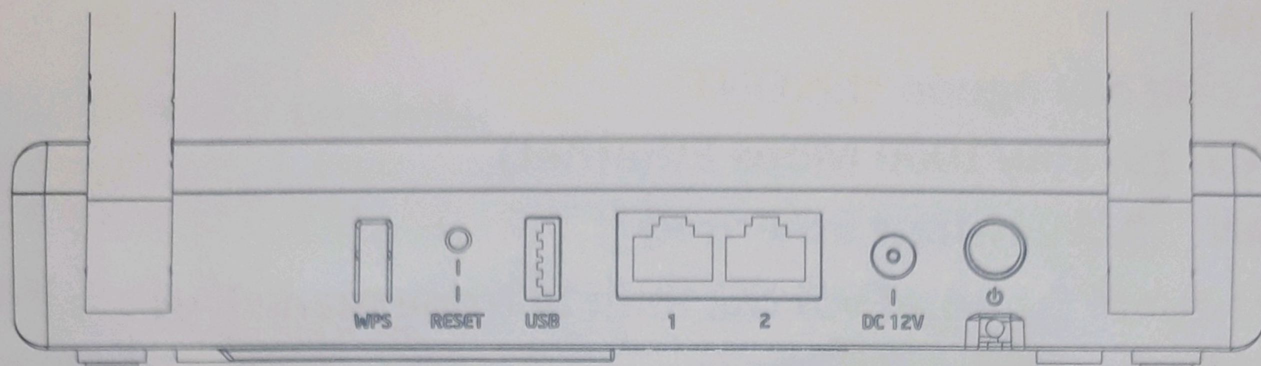
USB: Cổng giao tiếp USB 2.0

WPS: Nút bấm chức năng WPS, kiêm chức năng "bật tắt WiFi"

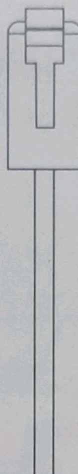
Reset: Nút khôi phục cài đặt gốc của nhà sản xuất.



3. Kết nối thiết bị

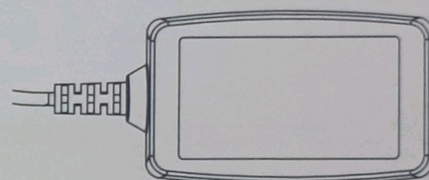


Cáp Ethernet





Bộ nguồn





Dây nhảy quang

Bước 1: Kết nối ONT với máy tính thông qua cổng Ethernet sử dụng cáp Ethernet được cung cấp sẵn hoặc kết nối qua Wifi.

Bước 2: Kết nối cổng Optical trên ONT với đường quang của nhà cung cấp dịch vụ mạng.

Bước 3: Cắm nguồn cho ONT sử dụng bộ nguồn được cung cấp sẵn.

Chú ý: Chỉ sử dụng bộ nguồn đi kèm thiết bị. Sử dụng sai nguồn cấp sẽ làm hỏng thiết bị và bị từ chối bảo hành.

Bước 4: Chờ khoảng 60 giây để ONT khởi động. Khi ONT khởi động xong và ở trạng thái hoạt động bình thường, trạng thái của các đèn LED báo hiệu như sau:
- PWR: Sáng xanh
- PON: Sáng xanh
- WLAN: Sáng xanh hoặc nhấp nháy xanh

Chú ý:
- Nếu các đèn LED báo hiệu không sáng như bình thường, kiểm tra lại kết nối của các dây cáp tới thiết bị, bao gồm: cáp nguồn, cáp Ethernet, cáp quang.
- Trong trường hợp cáp quang được kết nối đúng, nếu đèn PON không sáng xanh mà duy trì trạng thái nhấp nháy hoặc đèn PON tắt trong khi đèn LOS sáng nhấp nháy đỏ, liên hệ nhà cung cấp dịch vụ mạng để chắc chắn rằng **đường truyền đảm bảo và dịch vụ quang đã được kích hoạt.**

4. Truy cập vào giao diện Web cấu hình thiết bị

Bước 1: Mở trình duyệt, nhập vào thanh địa chỉ của trình duyệt: **http://192.168.1.1**

http://192.168.1.1/ GO

Đây là địa chỉ truy cập mặc định vào ONT, nếu không thể truy cập địa chỉ trên, vui lòng ấn và giữ nút RESET bên cạnh phải ONT 5 giây để khôi phục lại cài đặt gốc của nhà sản xuất. Chú ý, tất cả các cài đặt bởi người dùng sẽ mất sau khi ONT được khôi phục cài đặt gốc.

Bước 2: Khi kết nối thành công tới ONT, một giao diện yêu cầu đăng nhập hiện ra. Nhập vào thông tin sau (mặc định): admin/admin

admin

•••••

Login

Copyright 2013 - VNPT Technology

Bước 3: Sau khi đăng nhập giao diện tự động chuyển sang trang yêu cầu bắt buộc thay đổi mật khẩu truy nhập cho lần đầu đăng nhập:

Access Control -- Passwords

Caution: Your password is default password. Please change it now!

Access to your ONT is controlled through user accounts: admin .

The user name "admin" has unrestricted access to change and view configuration of your ONT.

Use the fields below to enter 8 up to 16 characters and click "Apply/Save" to change or create passwords.

Note: Password cannot contain a space and MUST consist of AT LEAST

- 1 lowercase alphabet(a-z); and
- 1 uppercase alphabet(A-Z); and
- 1 digit (0-9); and
- 1 special character(!@#$%^&*)

Example:Passwd2@

User Name:	
Old Password:	
New Password:	
Confirm Password:	

Apply/Save

Bước 4: Điền thông tin để thay đổi password:

- User Name: admin
- Old Password: admin
- New Password: Passwd2@ **(yêu cầu bắt buộc có ít nhất 8 ký tự, bao gồm các ký tự số, chữ thường, chữ hoa và các ký tự đặc biệt như "!, @, #, v.v...". Ví dụ** "Passwd2@"**)**
- Confirm Password: Passwd2@ (nhập lại đúng password đã nhập trong mục "**New Password**")

Tiếp tục bấm "**Apply/Save**" => "**Back**" và đăng nhập lại trang cấu hình với tài khoản "**admin/ Passwd2@**".

Lưu ý: Để download tài liệu Hướng dẫn chi tiết cấu hình thiết bị, vui lòng truy cập vào địa chỉ:
http://vnpt-technology.vn/htsp/hdsd/iGate_GW020_UserGuide.pdf

5. Cấu hình Wifi cơ bản

Bước 1:

Chọn mục “Network Settings” → “Wireless” trong ô menu cấu hình bên trái, vào mục Basic để cấu hình đặt tên mạng Wifi (SSID) muốn tạo (Có thể tạo tối đa 4 mạng Wifi riêng biệt với 4 SSID).

Wireless -- Basic

This page allows you to configure basic features of the wireless LAN interface. You can enable or disable the wireless LAN interface, hide the network from active scans, set the wireless network name (also known as SSID) and restrict the channel set based on country requirements. Click "Apply/Save" to configure the basic wireless options.

- [x] Enable Wireless
- [ ] Enable Wireless Hotspot2.0
- [ ] Hide Access Point
- [ ] Clients Isolation
- [ ] Disable WMM Advertise
- [ ] Enable Wireless Multicast Forwarding (WMF)

SSID: GW020_0100A1

BSSID: A0:65:00:01:00:A1

Country: VIET NAM

Country RegRev: 0

Max Clients: 32

Wireless - Guest/Virtual Access Points:

Enabled	SSID	Hidden	Isolate Clients	Disable WMM Advertise	Enable WMF	Max Clients	BSSID
[ ]	wl0_Guest1	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	32	N/A
[ ]	wl0_Guest2	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	32	N/A
[ ]	wl0_Guest3	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	32	N/A

Apply/Save

Bước 2: Truy cập vào "Wireless" → "Security" để thực hiện cấu hình bảo mật cho mạng Wifi có tên SSID vừa tạo ở bước 1, cụ thể như sau:

- Chọn loại xác thực mạng (Network Authentication)
- Chọn loại mã hóa bảo mật dữ liệu (Data Encryption)
- Đặt mật khẩu (WPA/WAPI passphrase) của mạng Wifi. Mật khẩu được sử dụng để xác thực các thiết bị muốn kết nối tới mạng Wifi này.

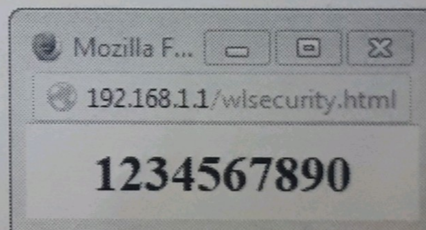
Wireless -- Security

This page allows you to configure security features of the wireless LAN interface. You may setup configuration manually OR through WiFi Protected Setup(WPS).

Manual Setup AP

You can set the network authentication method, selecting data encryption, specify whether a network key is required to authenticate to this wireless network and specify the encryption strength.
Click "Apply/Save" when done.

Select SSID:	GW020_0100A1 ▾
Network Authentication:	WPA2 -PSK ▾
Protected Management Frames:	Disabled ▾
WPA/WAPI passphrase:	●●●●●●●●●●● Click here to display
WPA Group Rekey Interval:	0
WPA/WAPI Encryption:	AES ▾



WPS Setup

Enable WPS Disabled ▾

Apply/Save

6. Thay đổi mật khẩu truy cập trang cấu hình

Để tăng tính bảo mật cho thiết bị, khách hàng nên thay đổi thông tin tài khoản mặc định để truy cập vào trang cấu hình thiết bị ngay trong lần cài đặt đầu tiên.

Trên trang cấu hình, truy cập đến menu **"Managament > Access Control > Password"** và điền các thông tin vào ô tương ứng sau đó ấn Apply/ Save để lưu lại.

Access Control -- Passwords

Caution: Your password is default password. Please change it now!

Access to your ONT is controlled through user accounts: admin .

The user name "admin" has unrestricted access to change and view configuration of your ONT.

Use the fields below to enter 8 up to 16 characters and click "Apply/Save" to change or create passwords.

Note: Password cannot contain a space and MUST consist of AT LEAST

- 1 lowercase alphabet(a-z); and

- 1 uppercase alphabet(A-Z); and

- 1 digit (0-9); and

- 1 special character(!@#$%^&*)

Example:Passwd2@

User Name:
Old Password:
New Password:
Confirm Password:

Apply/Save

Điền thông tin để thay đổi password:

- User Name: admin
- Old Password: điền mật khẩu cũ
- New Password: Passwd2@ **(yêu cầu bắt buộc có ít nhất 8 ký tự, bao gồm các ký tự số, chữ thường, chữ hoa và các ký tự đặc biệt như "!, @, #, v.v...". Ví dụ "**Passwd2@**")**
- Confirm Password: Passwd2@ (nhập lại đúng password đã nhập trong mục "**New Password**")

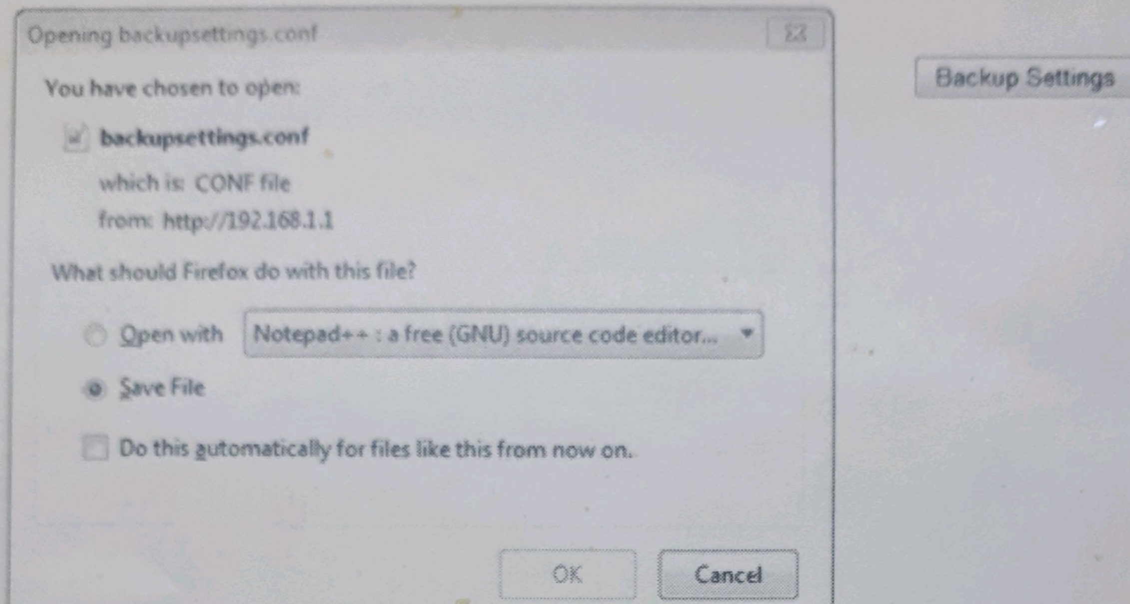
Tiếp tục bấm "**Apply/Save**" => "**Back**" và đăng nhập lại trang cấu hình với tài khoản "**admin/ Passwd2@**".

7. Lưu trữ và khôi phục cài đặt thiết bị

Sau khi cấu hình thiết bị hoạt động bình thường, khách hàng có thể lưu lại các cấu hình đã cài đặt vào một tập tin dự phòng để sử dụng khi thiết bị gặp sự cố và cần khôi phục lại các cài đặt riêng của khách hàng.

Để lưu lại các cấu hình đã cài đặt trên thiết bị, truy cập vào trang cấu hình thiết bị, di chuyển đến menu **"Management > Settings > Backup".** Click vào nút **"Backup Settings"** và lưu lại tập tin cấu hình vào máy tính.

Settings -- Backup



Để phục hồi lại các cài đặt từ một tập tin cấu hình có sẵn, truy cập vào trang cấu hình thiết bị, di chuyển đến menu **"Management > Settings > Restore".** Nhấp chuột vào nút **Browse...** để tìm đến tập tin cấu hình được lưu trong máy tính, sau đó ấn nút **Restore Settings.**

Settings -- Restore Settings

Update ONT settings. You may restore your router settings using your saved files.

Settings File Name: Browse... backupsettings.conf

Restore Settings

Chờ khoảng 2 phút cho thiết bị cập nhật tập tin cấu hình và khởi động lại.

8. Các tính năng nâng cao hữu ích thường dùng

a. Tính năng chia sẻ nội dung đa phương tiện qua DLNA

Kết nối với ổ lưu trữ ngoài qua cổng USB thành máy chủ nội dung số, chia sẻ nội dung đa phương tiện như phim, ảnh, âm nhạc trên ổ lưu trữ USB với các thiết bị khác trong mạng máy tính nội bộ.

b. Tính năng Printer Server

Kết nối thiết bị với máy in để thực hiện chức năng máy in chủ (Printer Server) cho phép chia sẻ máy in tới các người dùng khác trong mạng máy tính nội bộ (kết nối có dây qua Wifi).

Để sử dụng được các tính năng này, người dùng tham khảo và thực hiện theo các bước được mô tả cụ thể trong ***Hướng dẫn chi tiết cấu hình thiết bị.***

9. Hướng dẫn bảo quản

Bảo quản bộ nguồn thiết bị

- Đặt bộ nguồn thiết bị trong môi trường khô, mát, không ẩm ướt.
- Không cắm bộ nguồn thiết bị với nguồn điện AC ngoài ngưỡng cho phép.

Bảo quản thiết bị

- Sử dụng bộ nguồn đi kèm thiết bị, không cắm thiết bị với bộ nguồn của nhà sản xuất khác không rõ nguồn gốc.
- Nên đặt thiết bị ở nơi cao ráo, thoáng mát, dễ tản nhiệt, tránh đặt tại các khu vực nhiệt độ cao, ẩm ướt, bụi,... dễ gây hư hỏng thiết bị.
- Không nên sử dụng thiết bị trong điều kiện giông bão, tránh trường hợp sét đánh gây hư hỏng thiết bị.
- Khi vệ sinh, lau chùi thiết bị: phải ngắt nguồn điện trước, dùng vải khô, mềm, tránh để nước vào bên trong thiết bị có thể gây hư hỏng thiết bị.